**Mẫu số 13**

**BỐ TRÍ NHÂN LỰC**

**1. Tổng hợp phân nhóm**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Nhóm làm việc** | **Nhiệm vụ của nhóm (làm gì, ở đâu)** | **Họ và tên** | **Nhiệm vụ được giao** | **Số ngày công** |
|  | Nhóm quản trị | Quản lý quá trình thực hiện dự án tại FPT và Tổng cục Hải quan. | 1. Trần Phong Lãm | Giám đốc dự án | 336 |
| 1. Phạm Thúy Loan | Quản trị dự án | 214 |
|  | Nhóm khảo sát | Khảo sát hệ thống cơ sở dữ liệu cần chuyển đổi.  Chuẩn bị kế hoạch công việc chi tiết để chuyển đổi dữ liệu  Khảo sát yêu cầu của người sử dụng và hiện trạng hạ tầng, nghiệp vụ, CNTT của Khách hàng. | 1. Trần Tuấn Hải | Trưởng nhóm | 14 |
| 1. Chu Tiến Thành | Thành viên | 14 |
| 1. Nguyễn Anh Tuấn | Thành viên | 14 |
| 1. Nguyễn Trần Thành | Thành viên | 14 |
| 1. Nguyễn Công Tự | Thành viên | 14 |
| 1. Lê Đức Anh | Thành viên | 14 |
| 1. Phạm Công Ước | Thành viên | 14 |
| 1. Tôn Tích Dương Triều | Thành viên | 10.5 |
| 1. Tạ Bảo Trung | Thành viên | 10.5 |
| 1. Lê Tiến Dũng | Thành viên | 10.5 |
| 1. Nguyễn Việt Phương | Thành viên | 10.5 |
| 1. Nguyễn Phúc Đồng | Thành viên | 10.5 |
|  | Nhóm phân tích thiết kế, lập trình phát triển ứng dụng | Phân tích thiết kế công cụ chuyển đổi dữ liệu  Lập trình công cụ chuyển đổi dữ liệu và kiểm soát dữ liệu. | 1. Trần Phong Châu | Trưởng nhóm | 28 |
| 1. Đoàn Anh Vũ | Thành viên | 28 |
| 1. Nguyễn Phú Hưng | Thành viên | 28 |
| 1. Nguyễn Lê Toàn | Thành viên | 28 |
| 1. Lữ Quốc Hùng | Thành viên | 28 |
| 1. Trần Thành Chung | Thành viên | 28 |
| 1. Vũ Tiến Hào | Thành viên | 28 |
| 1. Đào Xuân Thanh | Thành viên | 28 |
| 1. Lê Thanh Xuân | Thành viên | 28 |
| 1. Bùi Thị Thanh Mai | Thành viên | 28 |
| 1. Lê Quang Hùng | Thành viên | 28 |
| 1. Lê Trâm Anh | Thành viên | 28 |
| 1. Nguyễn Thế Huỳnh | Thành viên | 28 |
| 1. Nguyễn Việt Anh | Thành viên | 28 |
| 1. Nguyễn Ngọc Dũng | Thành viên | 28 |
| 1. Lê Hồng Nguyên | Thành viên | 28 |
| 1. Dương Minh Tuấn | Thành viên | 28 |
| 1. Đặng Thị Thúy Nga | Thành viên | 28 |
| 1. Nguyễn Trọng Đáng | Thành viên | 28 |
| 1. Phạm Đức Toản | Thành viên | 28 |
| 1. Nguyễn Trung Hiếu | Thành viên | 28 |
| 1. Phạm Ngọc Hoài | Thành viên | 28 |
| 1. Vũ Cảnh Hưng | Thành viên | 28 |
| 1. Lê Phạm Duyên | Thành viên | 28 |
|  | Nhóm kiểm thử và vận hành thử nghiệm | Kiểm thử công cụ chuyển đổi dữ liệu.  Vận hành thử nghiệm công cụ chuyển đổi dữ liệu | 1. Nhữ Mạnh Hùng | Trưởng nhóm | 28 |
| 1. Trần Gia Kim | Thành viên | 28 |
| 1. Dương Văn Đô | Thành viên | 28 |
| 1. Nguyễn Thị Hạnh | Thành viên | 28 |
| 1. Đặng Thị Nội | Thành viên | 28 |
| 1. Nguyễn Thị Duyên | Thành viên | 28 |
| 1. Ngô Thị Thu Nga | Thành viên | 28 |
| 1. Bùi Thị Bích Thắm | Thành viên | 28 |
|  | Nhóm đảm bảo chất lượng | Đảm bảo và kiểm soát kế hoạch chất lượng trong việc thực hiện dự án. | 1. Nguyễn Thị Phương Liên | Trưởng nhóm | 59.6 |
| 1. Nguyễn Thị Hương | Thành viên | 145.6 |
| 1. Dương Thị Thảo | Thành viên | 145.6 |
| 1. Trần Thị Thu Hằng | Thành viên | 103.6 |
|  | Nhóm triển khai chuyển đổi dữ liệu và chuẩn bị danh mục dùng chung | Triển khai chuyển đổi dữ liệu;  Kiểm tra, rà soát dữ liệu sau chuyển đổi;  Chuẩn bị thông tin danh mục dùng chung (CSF) | 1. Trần Phong Châu | Trưởng nhóm | 82.6 |
| 1. Đoàn Anh Vũ | Thành viên | 210 |
| 1. Nguyễn Phú Hưng | Thành viên | 82.6 |
| 1. Nguyễn Lê Toàn | Thành viên | 82.6 |
| 1. Lữ Quốc Hùng | Thành viên | 182 |
| 1. Trần Thành Chung | Thành viên | 182 |
| 1. Vũ Tiến Hào | Thành viên | 182 |
| 1. Đào Xuân Thanh | Thành viên | 182 |
| 1. Lê Thanh Xuân | Thành viên | 182 |
| 1. Bùi Thị Thanh Mai | Thành viên | 182 |
| 1. Lê Quang Hùng | Thành viên | 182 |
| 1. Lê Trâm Anh | Thành viên | 182 |
| 1. Nguyễn Thế Huỳnh | Thành viên | 182 |
| 1. Nguyễn Việt Anh | Thành viên | 182 |
| 1. Nguyễn Ngọc Dũng | Thành viên | 182 |
| 1. Lê Hồng Nguyên | Thành viên | 182 |
| 1. Dương Minh Tuấn | Thành viên | 182 |
| 1. Đặng Thị Thúy Nga | Thành viên | 182 |
| 1. Nguyễn Trọng Đáng | Thành viên | 182 |
| 1. Phạm Đức Toản | Thành viên | 182 |
| 1. Nguyễn Trung Hiếu | Thành viên | 210 |
| 1. Phạm Ngọc Hoài | Thành viên | 210 |
| 1. Vũ Cảnh Hưng | Thành viên | 210 |
| 1. Lê Phạm Duyên | Thành viên | 210 |
| 1. Nhữ Mạnh Hùng | Thành viên | 210 |
| 1. Trần Gia Kim | Thành viên | 210 |
| 1. Dương Văn Đô | Thành viên | 210 |
| 1. Nguyễn Thị Hạnh | Thành viên | 210 |
| 1. Đặng Thị Nội | Thành viên | 210 |
| 1. Nguyễn Thị Duyên | Thành viên | 210 |
| 1. Ngô Thị Thu Nga | Thành viên | 210 |
| 1. Bùi Thị Bích Thắm | Thành viên | 210 |
|  | Nhóm hỗ trợ triển khai running test | Hỗ trợ các đơn vị hải quan trong việc vận hành thử hệ thống tại Tổng cục hải quan;  Trực tiếp đi xuống các Cục hải quan để hỗ trợ trong trường hợp cần thiết | 1. Trần Phong Châu | Trưởng nhóm | 25 |
| 1. Đoàn Anh Vũ | Thành viên | 25 |
| 1. Nguyễn Phú Hưng | Thành viên | 25 |
| 1. Nguyễn Lê Toàn | Thành viên | 25 |
| 1. Nguyễn Trung Hiếu | Thành viên | 84 |
| 1. Phạm Ngọc Hoài | Thành viên | 84 |
| 1. Vũ Cảnh Hưng | Thành viên | 84 |
| 1. Lê Phạm Duyên | Thành viên | 84 |
| 1. Nhữ Mạnh Hùng | Thành viên | 84 |
| 1. Trần Gia Kim | Thành viên | 84 |
| 1. Dương Văn Đô | Thành viên | 84 |
| 1. Nguyễn Thị Hạnh | Thành viên | 84 |
| 1. Đặng Thị Nội | Thành viên | 84 |
| 1. Nguyễn Thị Duyên | Thành viên | 84 |
| 1. Ngô Thị Thu Nga | Thành viên | 84 |
| 1. Bùi Thị Bích Thắm | Thành viên | 84 |

**2. Lịch bố trí nhân lực:**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Tên cán bộ, công việc** | **Địa điểm triển khai** | **Công việc 1** | | **Công việc 2** | | **...** | **Tổng cộng** |
| **Ngày1** | **Ngày ...** | **Ngày 1** | **Ngày ...** | ... |
|  | Bùi Thị Bích Thắm: Kiểm thử và vận hành thử nghiệm công cụ chuyển đổi dữ liệu | FPT, TCHQ, Các cục hải quan | 15 | 42 |  |  |  | 28 |
|  | Bùi Thị Bích Thắm: Kiểm tra, rà soát, phê duyệt dữ liệu các hệ thống cho Cục hải quan đầu tiên | FPT, TCHQ, Các cục hải quan | 43 | 56 |  |  |  | 14 |
|  | Bùi Thị Bích Thắm: Kiểm tra, rà soát, phê duyệt dữ liệu các hệ thống cho các Cục hải quan khu vực miền Bắc | FPT, TCHQ, Các cục hải quan | 57 | 112 |  |  |  | 56 |
|  | Bùi Thị Bích Thắm: Kiểm tra, rà soát, phê duyệt dữ liệu các hệ thống cho các Cục hải quan khu vực miền Trung | FPT, TCHQ, Các cục hải quan | 113 | 168 |  |  |  | 56 |
|  | Bùi Thị Bích Thắm: Kiểm tra, rà soát, phê duyệt dữ liệu các hệ thống cho các Cục hải quan khu vực miền Nam | FPT, TCHQ, Các cục hải quan | 169 | 224 |  |  |  | 56 |
|  | Bùi Thị Bích Thắm: Chuẩn bị thông tin danh mục dùng chung (CSF) | TCHQ | 225 | 231 |  |  |  | 7 |
|  | Bùi Thị Bích Thắm: Chuẩn bị dữ liệu doanh nghiệp tham gia hoạt động XNK | TCHQ | 232 | 238 |  |  |  | 7 |
|  | Bùi Thị Bích Thắm: Chuẩn bị dữ liệu quản lý rủi ro | TCHQ | 239 | 245 |  |  |  | 7 |
|  | Bùi Thị Bích Thắm: Cập nhật dữ liệu vào hệ thống VNACCS/VCIS | TCHQ | 246 | 252 |  |  |  | 7 |
|  | Bùi Thị Bích Thắm: Hỗ trợ các đơn vị hải quan vận hành thử hệ thống | TCHQ, Các cục hải quan | 253 | 336 |  |  |  | 84 |
|  | Bùi Thị Thanh Mai: Phân tích thiết kế và xây dựng phân hệ chuyển đổi dữ liệu | FPT | 15 | 42 |  |  |  | 28 |
|  | Bùi Thị Thanh Mai: Chuyển đổi, tập trung dữ liệu các hệ thống cho Cục hải quan đầu tiên | FPT, TCHQ, Các cục hải quan | 43 | 56 |  |  |  | 14 |
|  | Bùi Thị Thanh Mai: Chuyển đổi, tập trung dữ liệu các hệ thống cho các Cục hải quan khu vực miền Bắc | FPT, TCHQ, Các cục hải quan | 57 | 112 |  |  |  | 56 |
|  | Bùi Thị Thanh Mai: Chuyển đổi, tập trung dữ liệu các hệ thống cho các Cục hải quan khu vực miền Trung | FPT, TCHQ, Các cục hải quan | 113 | 168 |  |  |  | 56 |
|  | Bùi Thị Thanh Mai: Chuyển đổi, tập trung dữ liệu các hệ thống cho các Cục hải quan khu vực miền Nam | FPT, TCHQ, Các cục hải quan | 169 | 224 |  |  |  | 56 |
|  | Chu Tiến Thành: Khảo sát yêu cầu về công cụ chuyển đổi và hệ thống CSDL cần chuyển đổi tại TCHQ | FPT, TCHQ | 1 | 7 |  |  |  | 7 |
|  | Chu Tiến Thành: Chuẩn bị kế hoạch công việc chi tiết để CDDL | FPT, TCHQ | 8 | 14 |  |  |  | 7 |
|  | Đặng Thị Nội: Kiểm thử và vận hành thử nghiệm công cụ chuyển đổi dữ liệu | FPT, TCHQ, Các cục hải quan | 15 | 42 |  |  |  | 28 |
|  | Đặng Thị Nội: Kiểm tra, rà soát, phê duyệt dữ liệu các hệ thống cho Cục hải quan đầu tiên | FPT, TCHQ, Các cục hải quan | 43 | 56 |  |  |  | 14 |
|  | Đặng Thị Nội: Kiểm tra, rà soát, phê duyệt dữ liệu các hệ thống cho các Cục hải quan khu vực miền Bắc | FPT, TCHQ, Các cục hải quan | 57 | 112 |  |  |  | 56 |
|  | Đặng Thị Nội: Kiểm tra, rà soát, phê duyệt dữ liệu các hệ thống cho các Cục hải quan khu vực miền Trung | FPT, TCHQ, Các cục hải quan | 113 | 168 |  |  |  | 56 |
|  | Đặng Thị Nội: Kiểm tra, rà soát, phê duyệt dữ liệu các hệ thống cho các Cục hải quan khu vực miền Nam | FPT, TCHQ, Các cục hải quan | 169 | 224 |  |  |  | 56 |
|  | Đặng Thị Nội: Chuẩn bị thông tin danh mục dùng chung (CSF) | TCHQ | 225 | 231 |  |  |  | 7 |
|  | Đặng Thị Nội: Chuẩn bị dữ liệu doanh nghiệp tham gia hoạt động XNK | TCHQ | 232 | 238 |  |  |  | 7 |
|  | Đặng Thị Nội: Chuẩn bị dữ liệu quản lý rủi ro | TCHQ | 239 | 245 |  |  |  | 7 |
|  | Đặng Thị Nội: Cập nhật dữ liệu vào hệ thống VNACCS/VCIS | TCHQ | 246 | 252 |  |  |  | 7 |
|  | Đặng Thị Nội: Hỗ trợ các đơn vị hải quan vận hành thử hệ thống | TCHQ, Các cục hải quan | 253 | 336 |  |  |  | 84 |
|  | Đặng Thị Thúy Nga: Phân tích thiết kế và xây dựng phân hệ rà soát, kiểm tra dữ liệu | FPT | 15 | 42 |  |  |  | 28 |
|  | Đặng Thị Thúy Nga: Chuyển đổi, tập trung dữ liệu các hệ thống cho Cục hải quan đầu tiên | FPT, TCHQ, Các cục hải quan | 43 | 56 |  |  |  | 14 |
|  | Đặng Thị Thúy Nga: Chuyển đổi, tập trung dữ liệu các hệ thống cho các Cục hải quan khu vực miền Bắc | FPT, TCHQ, Các cục hải quan | 57 | 112 |  |  |  | 56 |
|  | Đặng Thị Thúy Nga: Chuyển đổi, tập trung dữ liệu các hệ thống cho các Cục hải quan khu vực miền Trung | FPT, TCHQ, Các cục hải quan | 113 | 168 |  |  |  | 56 |
|  | Đặng Thị Thúy Nga: Chuyển đổi, tập trung dữ liệu các hệ thống cho các Cục hải quan khu vực miền Nam | FPT, TCHQ, Các cục hải quan | 169 | 224 |  |  |  | 56 |
|  | Đào Xuân Thanh: Phân tích thiết kế và xây dựng phân hệ chuyển đổi dữ liệu | FPT | 15 | 42 |  |  |  | 28 |
|  | Đào Xuân Thanh: Chuyển đổi, tập trung dữ liệu các hệ thống cho Cục hải quan đầu tiên | FPT, TCHQ, Các cục hải quan | 43 | 56 |  |  |  | 14 |
|  | Đào Xuân Thanh: Chuyển đổi, tập trung dữ liệu các hệ thống cho các Cục hải quan khu vực miền Bắc | FPT, TCHQ, Các cục hải quan | 57 | 112 |  |  |  | 56 |
|  | Đào Xuân Thanh: Chuyển đổi, tập trung dữ liệu các hệ thống cho các Cục hải quan khu vực miền Trung | FPT, TCHQ, Các cục hải quan | 113 | 168 |  |  |  | 56 |
|  | Đào Xuân Thanh: Chuyển đổi, tập trung dữ liệu các hệ thống cho các Cục hải quan khu vực miền Nam | FPT, TCHQ, Các cục hải quan | 169 | 224 |  |  |  | 56 |
|  | Đoàn Anh Vũ: Phân tích thiết kế và xây dựng phân hệ chuyển đổi dữ liệu | FPT | 15 | 42 |  |  |  | 28 |
|  | Đoàn Anh Vũ: Chuyển đổi, tập trung dữ liệu các hệ thống cho Cục hải quan đầu tiên | FPT, TCHQ, Các cục hải quan | 43 | 56 |  |  |  | 14 |
|  | Đoàn Anh Vũ: Chuyển đổi, tập trung dữ liệu các hệ thống cho các Cục hải quan khu vực miền Bắc | FPT, TCHQ, Các cục hải quan | 57 | 112 |  |  |  | 56 |
|  | Đoàn Anh Vũ: Chuyển đổi, tập trung dữ liệu các hệ thống cho các Cục hải quan khu vực miền Trung | FPT, TCHQ, Các cục hải quan | 113 | 168 |  |  |  | 56 |
|  | Đoàn Anh Vũ: Chuyển đổi, tập trung dữ liệu các hệ thống cho các Cục hải quan khu vực miền Nam | FPT, TCHQ, Các cục hải quan | 169 | 224 |  |  |  | 56 |
|  | Đoàn Anh Vũ: Chuẩn bị thông tin danh mục dùng chung (CSF) | TCHQ | 225 | 231 |  |  |  | 7 |
|  | Đoàn Anh Vũ: Chuẩn bị dữ liệu doanh nghiệp tham gia hoạt động XNK | TCHQ | 232 | 238 |  |  |  | 7 |
|  | Đoàn Anh Vũ: Chuẩn bị dữ liệu quản lý rủi ro | TCHQ | 239 | 245 |  |  |  | 7 |
|  | Đoàn Anh Vũ: Cập nhật dữ liệu vào hệ thống VNACCS/VCIS | TCHQ | 246 | 252 |  |  |  | 7 |
|  | Đoàn Anh Vũ: Hỗ trợ các đơn vị hải quan vận hành thử hệ thống | TCHQ, Các cục hải quan | 253 | 278 |  |  |  | 25 |
|  | Dương Minh Tuấn: Phân tích thiết kế và xây dựng phân hệ rà soát, kiểm tra dữ liệu | FPT | 15 | 42 |  |  |  | 28 |
|  | Dương Minh Tuấn: Chuyển đổi, tập trung dữ liệu các hệ thống cho Cục hải quan đầu tiên | FPT, TCHQ, Các cục hải quan | 43 | 56 |  |  |  | 14 |
|  | Dương Minh Tuấn: Chuyển đổi, tập trung dữ liệu các hệ thống cho các Cục hải quan khu vực miền Bắc | FPT, TCHQ, Các cục hải quan | 57 | 112 |  |  |  | 56 |
|  | Dương Minh Tuấn: Chuyển đổi, tập trung dữ liệu các hệ thống cho các Cục hải quan khu vực miền Trung | FPT, TCHQ, Các cục hải quan | 113 | 168 |  |  |  | 56 |
|  | Dương Minh Tuấn: Chuyển đổi, tập trung dữ liệu các hệ thống cho các Cục hải quan khu vực miền Nam | FPT, TCHQ, Các cục hải quan | 169 | 224 |  |  |  | 56 |
|  | Dương Thị Thảo: Giám sát đảm bảo chất lượng giai đoạn khảo sát | FPT, TCHQ | 1 | 14 |  |  |  | 2.1 |
|  | Dương Thị Thảo: Giám sát đảm bảo chất lượng giai đoạn xây dựng | FPT | 15 | 42 |  |  |  | 4.2 |
|  | Dương Thị Thảo: Giám sát đảm bảo chất lượng giai đoạn triển khai | FPT, TCHQ, Các cục hải quan | 43 | 224 |  |  |  | 27.3 |
|  | Dương Thị Thảo: Giám sát đảm bảo chất lượng giai đoạn chuẩn bị thông tin danh mục dùng chung | TCHQ | 225 | 252 |  |  |  | 28 |
|  | Dương Thị Thảo: Giám sát đảm bảo chất lượng giai đoạn hỗ trợ triển khai | FPT, TCHQ, Các cục hải quan | 253 | 336 |  |  |  | 84 |
|  | Dương Văn Đô: Kiểm thử và vận hành thử nghiệm công cụ chuyển đổi dữ liệu | FPT, TCHQ, Các cục hải quan | 15 | 42 |  |  |  | 28 |
|  | Dương Văn Đô: Kiểm tra, rà soát, phê duyệt dữ liệu các hệ thống cho Cục hải quan đầu tiên | FPT, TCHQ, Các cục hải quan | 43 | 56 |  |  |  | 14 |
|  | Dương Văn Đô: Kiểm tra, rà soát, phê duyệt dữ liệu các hệ thống cho các Cục hải quan khu vực miền Bắc | FPT, TCHQ, Các cục hải quan | 57 | 112 |  |  |  | 56 |
|  | Dương Văn Đô: Kiểm tra, rà soát, phê duyệt dữ liệu các hệ thống cho các Cục hải quan khu vực miền Trung | FPT, TCHQ, Các cục hải quan | 113 | 168 |  |  |  | 56 |
|  | Dương Văn Đô: Kiểm tra, rà soát, phê duyệt dữ liệu các hệ thống cho các Cục hải quan khu vực miền Nam | FPT, TCHQ, Các cục hải quan | 169 | 224 |  |  |  | 56 |
|  | Dương Văn Đô: Chuẩn bị thông tin danh mục dùng chung (CSF) | TCHQ | 225 | 231 |  |  |  | 7 |
|  | Dương Văn Đô: Chuẩn bị dữ liệu doanh nghiệp tham gia hoạt động XNK | TCHQ | 232 | 238 |  |  |  | 7 |
|  | Dương Văn Đô: Chuẩn bị dữ liệu quản lý rủi ro | TCHQ | 239 | 245 |  |  |  | 7 |
|  | Dương Văn Đô: Cập nhật dữ liệu vào hệ thống VNACCS/VCIS | TCHQ | 246 | 252 |  |  |  | 7 |
|  | Dương Văn Đô: Hỗ trợ các đơn vị hải quan vận hành thử hệ thống | TCHQ, Các cục hải quan | 253 | 336 |  |  |  | 84 |
|  | Lê Đức Anh: Khảo sát yêu cầu về công cụ chuyển đổi và hệ thống CSDL cần chuyển đổi tại TCHQ | FPT, TCHQ | 1 | 7 |  |  |  | 7 |
|  | Lê Đức Anh: Chuẩn bị kế hoạch công việc chi tiết để CDDL | FPT, TCHQ | 8 | 14 |  |  |  | 7 |
|  | Lê Hồng Nguyên: Phân tích thiết kế và xây dựng phân hệ rà soát, kiểm tra dữ liệu | FPT | 15 | 42 |  |  |  | 28 |
|  | Lê Hồng Nguyên: Chuyển đổi, tập trung dữ liệu các hệ thống cho Cục hải quan đầu tiên | FPT, TCHQ, Các cục hải quan | 43 | 56 |  |  |  | 14 |
|  | Lê Hồng Nguyên: Chuyển đổi, tập trung dữ liệu các hệ thống cho các Cục hải quan khu vực miền Bắc | FPT, TCHQ, Các cục hải quan | 57 | 112 |  |  |  | 56 |
|  | Lê Hồng Nguyên: Chuyển đổi, tập trung dữ liệu các hệ thống cho các Cục hải quan khu vực miền Trung | FPT, TCHQ, Các cục hải quan | 113 | 168 |  |  |  | 56 |
|  | Lê Hồng Nguyên: Chuyển đổi, tập trung dữ liệu các hệ thống cho các Cục hải quan khu vực miền Nam | FPT, TCHQ, Các cục hải quan | 169 | 224 |  |  |  | 56 |
|  | Lê Phạm Duyên: Phân tích thiết kế và xây dựng phân hệ phê duyệt dữ liệu | FPT | 15 | 42 |  |  |  | 28 |
|  | Lê Phạm Duyên: Kiểm tra, rà soát, phê duyệt dữ liệu các hệ thống cho Cục hải quan đầu tiên | FPT, TCHQ, Các cục hải quan | 43 | 56 |  |  |  | 14 |
|  | Lê Phạm Duyên: Kiểm tra, rà soát, phê duyệt dữ liệu các hệ thống cho các Cục hải quan khu vực miền Bắc | FPT, TCHQ, Các cục hải quan | 57 | 112 |  |  |  | 56 |
|  | Lê Phạm Duyên: Kiểm tra, rà soát, phê duyệt dữ liệu các hệ thống cho các Cục hải quan khu vực miền Trung | FPT, TCHQ, Các cục hải quan | 113 | 168 |  |  |  | 56 |
|  | Lê Phạm Duyên: Kiểm tra, rà soát, phê duyệt dữ liệu các hệ thống cho các Cục hải quan khu vực miền Nam | FPT, TCHQ, Các cục hải quan | 169 | 224 |  |  |  | 56 |
|  | Lê Phạm Duyên: Chuẩn bị thông tin danh mục dùng chung (CSF) | TCHQ | 225 | 231 |  |  |  | 7 |
|  | Lê Phạm Duyên: Chuẩn bị dữ liệu doanh nghiệp tham gia hoạt động XNK | TCHQ | 232 | 238 |  |  |  | 7 |
|  | Lê Phạm Duyên: Chuẩn bị dữ liệu quản lý rủi ro | TCHQ | 239 | 245 |  |  |  | 7 |
|  | Lê Phạm Duyên: Cập nhật dữ liệu vào hệ thống VNACCS/VCIS | TCHQ | 246 | 252 |  |  |  | 7 |
|  | Lê Phạm Duyên: Hỗ trợ các đơn vị hải quan vận hành thử hệ thống | TCHQ, Các cục hải quan | 253 | 336 |  |  |  | 84 |
|  | Lê Quang Hùng: Phân tích thiết kế và xây dựng phân hệ rà soát, kiểm tra dữ liệu | FPT | 15 | 42 |  |  |  | 28 |
|  | Lê Quang Hùng: Chuyển đổi, tập trung dữ liệu các hệ thống cho Cục hải quan đầu tiên | FPT, TCHQ, Các cục hải quan | 43 | 56 |  |  |  | 14 |
|  | Lê Quang Hùng: Chuyển đổi, tập trung dữ liệu các hệ thống cho các Cục hải quan khu vực miền Bắc | FPT, TCHQ, Các cục hải quan | 57 | 112 |  |  |  | 56 |
|  | Lê Quang Hùng: Chuyển đổi, tập trung dữ liệu các hệ thống cho các Cục hải quan khu vực miền Trung | FPT, TCHQ, Các cục hải quan | 113 | 168 |  |  |  | 56 |
|  | Lê Quang Hùng: Chuyển đổi, tập trung dữ liệu các hệ thống cho các Cục hải quan khu vực miền Nam | FPT, TCHQ, Các cục hải quan | 169 | 224 |  |  |  | 56 |
|  | Lê Thanh Xuân: Phân tích thiết kế và xây dựng phân hệ chuyển đổi dữ liệu | FPT | 15 | 42 |  |  |  | 28 |
|  | Lê Thanh Xuân: Chuyển đổi, tập trung dữ liệu các hệ thống cho Cục hải quan đầu tiên | FPT, TCHQ, Các cục hải quan | 43 | 56 |  |  |  | 14 |
|  | Lê Thanh Xuân: Chuyển đổi, tập trung dữ liệu các hệ thống cho các Cục hải quan khu vực miền Bắc | FPT, TCHQ, Các cục hải quan | 57 | 112 |  |  |  | 56 |
|  | Lê Thanh Xuân: Chuyển đổi, tập trung dữ liệu các hệ thống cho các Cục hải quan khu vực miền Trung | FPT, TCHQ, Các cục hải quan | 113 | 168 |  |  |  | 56 |
|  | Lê Thanh Xuân: Chuyển đổi, tập trung dữ liệu các hệ thống cho các Cục hải quan khu vực miền Nam | FPT, TCHQ, Các cục hải quan | 169 | 224 |  |  |  | 56 |
|  | Lê Tiến Dũng: Khảo sát yêu cầu về công cụ chuyển đổi và hệ thống CSDL cần chuyển đổi tại TCHQ | FPT, TCHQ | 1 | 7 |  |  |  | 7 |
|  | Lê Tiến Dũng: Chuẩn bị kế hoạch công việc chi tiết để CDDL | FPT, TCHQ | 8 | 14 |  |  |  | 3.5 |
|  | Lê Trâm Anh: Phân tích thiết kế và xây dựng phân hệ rà soát, kiểm tra dữ liệu | FPT | 15 | 42 |  |  |  | 28 |
|  | Lê Trâm Anh: Chuyển đổi, tập trung dữ liệu các hệ thống cho Cục hải quan đầu tiên | FPT, TCHQ, Các cục hải quan | 43 | 56 |  |  |  | 14 |
|  | Lê Trâm Anh: Chuyển đổi, tập trung dữ liệu các hệ thống cho các Cục hải quan khu vực miền Bắc | FPT, TCHQ, Các cục hải quan | 57 | 112 |  |  |  | 56 |
|  | Lê Trâm Anh: Chuyển đổi, tập trung dữ liệu các hệ thống cho các Cục hải quan khu vực miền Trung | FPT, TCHQ, Các cục hải quan | 113 | 168 |  |  |  | 56 |
|  | Lê Trâm Anh: Chuyển đổi, tập trung dữ liệu các hệ thống cho các Cục hải quan khu vực miền Nam | FPT, TCHQ, Các cục hải quan | 169 | 224 |  |  |  | 56 |
|  | Lữ Quốc Hùng: Phân tích thiết kế và xây dựng phân hệ chuyển đổi dữ liệu | FPT | 15 | 42 |  |  |  | 28 |
|  | Lữ Quốc Hùng: Chuyển đổi, tập trung dữ liệu các hệ thống cho Cục hải quan đầu tiên | FPT, TCHQ, Các cục hải quan | 43 | 56 |  |  |  | 14 |
|  | Lữ Quốc Hùng: Chuyển đổi, tập trung dữ liệu các hệ thống cho các Cục hải quan khu vực miền Bắc | FPT, TCHQ, Các cục hải quan | 57 | 112 |  |  |  | 56 |
|  | Lữ Quốc Hùng: Chuyển đổi, tập trung dữ liệu các hệ thống cho các Cục hải quan khu vực miền Trung | FPT, TCHQ, Các cục hải quan | 113 | 168 |  |  |  | 56 |
|  | Lữ Quốc Hùng: Chuyển đổi, tập trung dữ liệu các hệ thống cho các Cục hải quan khu vực miền Nam | FPT, TCHQ, Các cục hải quan | 169 | 224 |  |  |  | 56 |
|  | Ngô Thị Thu Nga: Kiểm thử và vận hành thử nghiệm công cụ chuyển đổi dữ liệu | FPT, TCHQ, Các cục hải quan | 15 | 42 |  |  |  | 28 |
|  | Ngô Thị Thu Nga: Kiểm tra, rà soát, phê duyệt dữ liệu các hệ thống cho Cục hải quan đầu tiên | FPT, TCHQ, Các cục hải quan | 43 | 56 |  |  |  | 14 |
|  | Ngô Thị Thu Nga: Kiểm tra, rà soát, phê duyệt dữ liệu các hệ thống cho các Cục hải quan khu vực miền Bắc | FPT, TCHQ, Các cục hải quan | 57 | 112 |  |  |  | 56 |
|  | Ngô Thị Thu Nga: Kiểm tra, rà soát, phê duyệt dữ liệu các hệ thống cho các Cục hải quan khu vực miền Trung | FPT, TCHQ, Các cục hải quan | 113 | 168 |  |  |  | 56 |
|  | Ngô Thị Thu Nga: Kiểm tra, rà soát, phê duyệt dữ liệu các hệ thống cho các Cục hải quan khu vực miền Nam | FPT, TCHQ, Các cục hải quan | 169 | 224 |  |  |  | 56 |
|  | Ngô Thị Thu Nga: Chuẩn bị thông tin danh mục dùng chung (CSF) | TCHQ | 225 | 231 |  |  |  | 7 |
|  | Ngô Thị Thu Nga: Chuẩn bị dữ liệu doanh nghiệp tham gia hoạt động XNK | TCHQ | 232 | 238 |  |  |  | 7 |
|  | Ngô Thị Thu Nga: Chuẩn bị dữ liệu quản lý rủi ro | TCHQ | 239 | 245 |  |  |  | 7 |
|  | Ngô Thị Thu Nga: Cập nhật dữ liệu vào hệ thống VNACCS/VCIS | TCHQ | 246 | 252 |  |  |  | 7 |
|  | Ngô Thị Thu Nga: Hỗ trợ các đơn vị hải quan vận hành thử hệ thống | TCHQ, Các cục hải quan | 253 | 336 |  |  |  | 84 |
|  | Nguyễn Anh Tuấn: Khảo sát yêu cầu về công cụ chuyển đổi và hệ thống CSDL cần chuyển đổi tại TCHQ | FPT, TCHQ | 1 | 7 |  |  |  | 7 |
|  | Nguyễn Anh Tuấn: Chuẩn bị kế hoạch công việc chi tiết để CDDL | FPT, TCHQ | 8 | 14 |  |  |  | 7 |
|  | Nguyễn Công Tự: Khảo sát yêu cầu về công cụ chuyển đổi và hệ thống CSDL cần chuyển đổi tại TCHQ | FPT, TCHQ | 1 | 7 |  |  |  | 7 |
|  | Nguyễn Công Tự: Chuẩn bị kế hoạch công việc chi tiết để CDDL | FPT, TCHQ | 8 | 14 |  |  |  | 7 |
|  | Nguyễn Lê Toàn: Phân tích thiết kế và xây dựng phân hệ chuyển đổi dữ liệu | FPT | 15 | 42 |  |  |  | 28 |
|  | Nguyễn Lê Toàn: Chuyển đổi, tập trung dữ liệu các hệ thống cho Cục hải quan đầu tiên | FPT, TCHQ, Các cục hải quan | 43 | 56 |  |  |  | 4.2 |
|  | Nguyễn Lê Toàn: Chuyển đổi, tập trung dữ liệu các hệ thống cho các Cục hải quan khu vực miền Bắc | FPT, TCHQ, Các cục hải quan | 57 | 112 |  |  |  | 16.8 |
|  | Nguyễn Lê Toàn: Chuyển đổi, tập trung dữ liệu các hệ thống cho các Cục hải quan khu vực miền Trung | FPT, TCHQ, Các cục hải quan | 113 | 168 |  |  |  | 16.8 |
|  | Nguyễn Lê Toàn: Chuyển đổi, tập trung dữ liệu các hệ thống cho các Cục hải quan khu vực miền Nam | FPT, TCHQ, Các cục hải quan | 169 | 224 |  |  |  | 16.8 |
|  | Nguyễn Lê Toàn: Chuẩn bị thông tin danh mục dùng chung (CSF) | TCHQ | 225 | 231 |  |  |  | 7 |
|  | Nguyễn Lê Toàn: Chuẩn bị dữ liệu doanh nghiệp tham gia hoạt động XNK | TCHQ | 232 | 238 |  |  |  | 7 |
|  | Nguyễn Lê Toàn: Chuẩn bị dữ liệu quản lý rủi ro | TCHQ | 239 | 245 |  |  |  | 7 |
|  | Nguyễn Lê Toàn: Cập nhật dữ liệu vào hệ thống VNACCS/VCIS | TCHQ | 246 | 252 |  |  |  | 7 |
|  | Nguyễn Lê Toàn: Hỗ trợ các đơn vị hải quan vận hành thử hệ thống | TCHQ, Các cục hải quan | 253 | 336 |  |  |  | 25 |
|  | Nguyễn Ngọc Dũng: Phân tích thiết kế và xây dựng phân hệ rà soát, kiểm tra dữ liệu | FPT | 15 | 42 |  |  |  | 28 |
|  | Nguyễn Ngọc Dũng: Chuyển đổi, tập trung dữ liệu các hệ thống cho Cục hải quan đầu tiên | FPT, TCHQ, Các cục hải quan | 43 | 56 |  |  |  | 14 |
|  | Nguyễn Ngọc Dũng: Chuyển đổi, tập trung dữ liệu các hệ thống cho các Cục hải quan khu vực miền Bắc | FPT, TCHQ, Các cục hải quan | 57 | 112 |  |  |  | 56 |
|  | Nguyễn Ngọc Dũng: Chuyển đổi, tập trung dữ liệu các hệ thống cho các Cục hải quan khu vực miền Trung | FPT, TCHQ, Các cục hải quan | 113 | 168 |  |  |  | 56 |
|  | Nguyễn Ngọc Dũng: Chuyển đổi, tập trung dữ liệu các hệ thống cho các Cục hải quan khu vực miền Nam | FPT, TCHQ, Các cục hải quan | 169 | 224 |  |  |  | 56 |
|  | Nguyễn Phú Hưng: Phân tích thiết kế và xây dựng phân hệ chuyển đổi dữ liệu | FPT | 15 | 42 |  |  |  | 28 |
|  | Nguyễn Phú Hưng: Chuyển đổi, tập trung dữ liệu các hệ thống cho Cục hải quan đầu tiên | FPT, TCHQ, Các cục hải quan | 43 | 56 |  |  |  | 4.2 |
|  | Nguyễn Phú Hưng: Chuyển đổi, tập trung dữ liệu các hệ thống cho các Cục hải quan khu vực miền Bắc | FPT, TCHQ, Các cục hải quan | 57 | 112 |  |  |  | 16.8 |
|  | Nguyễn Phú Hưng: Chuyển đổi, tập trung dữ liệu các hệ thống cho các Cục hải quan khu vực miền Trung | FPT, TCHQ, Các cục hải quan | 113 | 168 |  |  |  | 16.8 |
|  | Nguyễn Phú Hưng: Chuyển đổi, tập trung dữ liệu các hệ thống cho các Cục hải quan khu vực miền Nam | FPT, TCHQ, Các cục hải quan | 169 | 224 |  |  |  | 16.8 |
|  | Nguyễn Phú Hưng: Chuẩn bị thông tin danh mục dùng chung (CSF) | TCHQ | 225 | 231 |  |  |  | 7 |
|  | Nguyễn Phú Hưng: Chuẩn bị dữ liệu doanh nghiệp tham gia hoạt động XNK | TCHQ | 232 | 238 |  |  |  | 7 |
|  | Nguyễn Phú Hưng: Chuẩn bị dữ liệu quản lý rủi ro | TCHQ | 239 | 245 |  |  |  | 7 |
|  | Nguyễn Phú Hưng: Cập nhật dữ liệu vào hệ thống VNACCS/VCIS | TCHQ | 246 | 252 |  |  |  | 7 |
|  | Nguyễn Phú Hưng: Hỗ trợ các đơn vị hải quan vận hành thử hệ thống | TCHQ, Các cục hải quan | 253 | 336 |  |  |  | 25 |
|  | Nguyễn Phúc Đồng: Khảo sát yêu cầu về công cụ chuyển đổi và hệ thống CSDL cần chuyển đổi tại TCHQ | FPT, TCHQ | 1 | 7 |  |  |  | 7 |
|  | Nguyễn Phúc Đồng: Chuẩn bị kế hoạch công việc chi tiết để CDDL | FPT, TCHQ | 8 | 14 |  |  |  | 3.5 |
|  | Nguyễn Thế Huỳnh: Phân tích thiết kế và xây dựng phân hệ rà soát, kiểm tra dữ liệu | FPT | 15 | 42 |  |  |  | 28 |
|  | Nguyễn Thế Huỳnh: Chuyển đổi, tập trung dữ liệu các hệ thống cho Cục hải quan đầu tiên | FPT, TCHQ, Các cục hải quan | 43 | 56 |  |  |  | 14 |
|  | Nguyễn Thế Huỳnh: Chuyển đổi, tập trung dữ liệu các hệ thống cho các Cục hải quan khu vực miền Bắc | FPT, TCHQ, Các cục hải quan | 57 | 112 |  |  |  | 56 |
|  | Nguyễn Thế Huỳnh: Chuyển đổi, tập trung dữ liệu các hệ thống cho các Cục hải quan khu vực miền Trung | FPT, TCHQ, Các cục hải quan | 113 | 168 |  |  |  | 56 |
|  | Nguyễn Thế Huỳnh: Chuyển đổi, tập trung dữ liệu các hệ thống cho các Cục hải quan khu vực miền Nam | FPT, TCHQ, Các cục hải quan | 169 | 224 |  |  |  | 56 |
|  | Nguyễn Thị Duyên: Kiểm thử và vận hành thử nghiệm công cụ chuyển đổi dữ liệu | FPT, TCHQ, Các cục hải quan | 15 | 42 |  |  |  | 28 |
|  | Nguyễn Thị Duyên: Kiểm tra, rà soát, phê duyệt dữ liệu các hệ thống cho Cục hải quan đầu tiên | FPT, TCHQ, Các cục hải quan | 43 | 56 |  |  |  | 14 |
|  | Nguyễn Thị Duyên: Kiểm tra, rà soát, phê duyệt dữ liệu các hệ thống cho các Cục hải quan khu vực miền Bắc | FPT, TCHQ, Các cục hải quan | 57 | 112 |  |  |  | 56 |
|  | Nguyễn Thị Duyên: Kiểm tra, rà soát, phê duyệt dữ liệu các hệ thống cho các Cục hải quan khu vực miền Trung | FPT, TCHQ, Các cục hải quan | 113 | 168 |  |  |  | 56 |
|  | Nguyễn Thị Duyên: Kiểm tra, rà soát, phê duyệt dữ liệu các hệ thống cho các Cục hải quan khu vực miền Nam | FPT, TCHQ, Các cục hải quan | 169 | 224 |  |  |  | 56 |
|  | Nguyễn Thị Duyên: Chuẩn bị thông tin danh mục dùng chung (CSF) | TCHQ | 225 | 231 |  |  |  | 7 |
|  | Nguyễn Thị Duyên: Chuẩn bị dữ liệu doanh nghiệp tham gia hoạt động XNK | TCHQ | 232 | 238 |  |  |  | 7 |
|  | Nguyễn Thị Duyên: Chuẩn bị dữ liệu quản lý rủi ro | TCHQ | 239 | 245 |  |  |  | 7 |
|  | Nguyễn Thị Duyên: Cập nhật dữ liệu vào hệ thống VNACCS/VCIS | TCHQ | 246 | 252 |  |  |  | 7 |
|  | Nguyễn Thị Duyên: Hỗ trợ các đơn vị hải quan vận hành thử hệ thống | TCHQ, Các cục hải quan | 253 | 336 |  |  |  | 84 |
|  | Nguyễn Thị Hạnh: Kiểm thử và vận hành thử nghiệm công cụ chuyển đổi dữ liệu | FPT, TCHQ, Các cục hải quan | 15 | 42 |  |  |  | 28 |
|  | Nguyễn Thị Hạnh: Kiểm tra, rà soát, phê duyệt dữ liệu các hệ thống cho Cục hải quan đầu tiên | FPT, TCHQ, Các cục hải quan | 43 | 56 |  |  |  | 14 |
|  | Nguyễn Thị Hạnh: Kiểm tra, rà soát, phê duyệt dữ liệu các hệ thống cho các Cục hải quan khu vực miền Bắc | FPT, TCHQ, Các cục hải quan | 57 | 112 |  |  |  | 56 |
|  | Nguyễn Thị Hạnh: Kiểm tra, rà soát, phê duyệt dữ liệu các hệ thống cho các Cục hải quan khu vực miền Trung | FPT, TCHQ, Các cục hải quan | 113 | 168 |  |  |  | 56 |
|  | Nguyễn Thị Hạnh: Kiểm tra, rà soát, phê duyệt dữ liệu các hệ thống cho các Cục hải quan khu vực miền Nam | FPT, TCHQ, Các cục hải quan | 169 | 224 |  |  |  | 56 |
|  | Nguyễn Thị Hạnh: Chuẩn bị thông tin danh mục dùng chung (CSF) | TCHQ | 225 | 231 |  |  |  | 7 |
|  | Nguyễn Thị Hạnh: Chuẩn bị dữ liệu doanh nghiệp tham gia hoạt động XNK | TCHQ | 232 | 238 |  |  |  | 7 |
|  | Nguyễn Thị Hạnh: Chuẩn bị dữ liệu quản lý rủi ro | TCHQ | 239 | 245 |  |  |  | 7 |
|  | Nguyễn Thị Hạnh: Cập nhật dữ liệu vào hệ thống VNACCS/VCIS | TCHQ | 246 | 252 |  |  |  | 7 |
|  | Nguyễn Thị Hạnh: Hỗ trợ các đơn vị hải quan vận hành thử hệ thống | TCHQ, Các cục hải quan | 253 | 336 |  |  |  | 84 |
|  | Nguyễn Thị Hương: Giám sát đảm bảo chất lượng giai đoạn khảo sát | FPT, TCHQ | 1 | 14 |  |  |  | 2.1 |
|  | Nguyễn Thị Hương: Giám sát đảm bảo chất lượng giai đoạn xây dựng | FPT | 15 | 42 |  |  |  | 4.2 |
|  | Nguyễn Thị Hương: Giám sát đảm bảo chất lượng giai đoạn triển khai | FPT, TCHQ, Các cục hải quan | 43 | 224 |  |  |  | 27.3 |
|  | Nguyễn Thị Hương: Giám sát đảm bảo chất lượng giai đoạn chuẩn bị thông tin danh mục dùng chung | TCHQ | 225 | 252 |  |  |  | 28 |
|  | Nguyễn Thị Hương: Giám sát đảm bảo chất lượng giai đoạn hỗ trợ triển khai | FPT, TCHQ, Các cục hải quan | 253 | 336 |  |  |  | 84 |
|  | Nguyễn Thị Phương Liên: Giám sát đảm bảo chất lượng giai đoạn khảo sát | FPT, TCHQ | 1 | 14 |  |  |  | 2.1 |
|  | Nguyễn Thị Phương Liên: Giám sát đảm bảo chất lượng giai đoạn xây dựng | FPT | 15 | 42 |  |  |  | 4.2 |
|  | Nguyễn Thị Phương Liên: Giám sát đảm bảo chất lượng giai đoạn triển khai | FPT, TCHQ, Các cục hải quan | 43 | 224 |  |  |  | 27.3 |
|  | Nguyễn Thị Phương Liên: Giám sát đảm bảo chất lượng giai đoạn chuẩn bị thông tin danh mục dùng chung | TCHQ | 225 | 252 |  |  |  | 12 |
|  | Nguyễn Thị Phương Liên: Giám sát đảm bảo chất lượng giai đoạn hỗ trợ triển khai | FPT, TCHQ, Các cục hải quan | 253 | 336 |  |  |  | 14 |
|  | Nguyễn Trần Thành: Khảo sát yêu cầu về công cụ chuyển đổi và hệ thống CSDL cần chuyển đổi tại TCHQ | FPT, TCHQ | 1 | 7 |  |  |  | 7 |
|  | Nguyễn Trần Thành: Chuẩn bị kế hoạch công việc chi tiết để CDDL | FPT, TCHQ | 8 | 14 |  |  |  | 7 |
|  | Nguyễn Trọng Đáng: Phân tích thiết kế và xây dựng phân hệ rà soát, kiểm tra dữ liệu | FPT | 15 | 42 |  |  |  | 28 |
|  | Nguyễn Trọng Đáng: Chuyển đổi, tập trung dữ liệu các hệ thống cho Cục hải quan đầu tiên | FPT, TCHQ, Các cục hải quan | 43 | 56 |  |  |  | 14 |
|  | Nguyễn Trọng Đáng: Chuyển đổi, tập trung dữ liệu các hệ thống cho các Cục hải quan khu vực miền Bắc | FPT, TCHQ, Các cục hải quan | 57 | 112 |  |  |  | 56 |
|  | Nguyễn Trọng Đáng: Chuyển đổi, tập trung dữ liệu các hệ thống cho các Cục hải quan khu vực miền Trung | FPT, TCHQ, Các cục hải quan | 113 | 168 |  |  |  | 56 |
|  | Nguyễn Trọng Đáng: Chuyển đổi, tập trung dữ liệu các hệ thống cho các Cục hải quan khu vực miền Nam | FPT, TCHQ, Các cục hải quan | 169 | 224 |  |  |  | 56 |
|  | Nguyễn Trung Hiếu: Phân tích thiết kế và xây dựng phân hệ phê duyệt dữ liệu | FPT | 15 | 42 |  |  |  | 28 |
|  | Nguyễn Trung Hiếu: Kiểm tra, rà soát, phê duyệt dữ liệu các hệ thống cho Cục hải quan đầu tiên | FPT, TCHQ, Các cục hải quan | 43 | 56 |  |  |  | 14 |
|  | Nguyễn Trung Hiếu: Kiểm tra, rà soát, phê duyệt dữ liệu các hệ thống cho các Cục hải quan khu vực miền Bắc | FPT, TCHQ, Các cục hải quan | 57 | 112 |  |  |  | 56 |
|  | Nguyễn Trung Hiếu: Kiểm tra, rà soát, phê duyệt dữ liệu các hệ thống cho các Cục hải quan khu vực miền Trung | FPT, TCHQ, Các cục hải quan | 113 | 168 |  |  |  | 56 |
|  | Nguyễn Trung Hiếu: Kiểm tra, rà soát, phê duyệt dữ liệu các hệ thống cho các Cục hải quan khu vực miền Nam | FPT, TCHQ, Các cục hải quan | 169 | 224 |  |  |  | 56 |
|  | Nguyễn Trung Hiếu: Chuẩn bị thông tin danh mục dùng chung (CSF) | TCHQ | 225 | 231 |  |  |  | 7 |
|  | Nguyễn Trung Hiếu: Chuẩn bị dữ liệu doanh nghiệp tham gia hoạt động XNK | TCHQ | 232 | 238 |  |  |  | 7 |
|  | Nguyễn Trung Hiếu: Chuẩn bị dữ liệu quản lý rủi ro | TCHQ | 239 | 245 |  |  |  | 7 |
|  | Nguyễn Trung Hiếu: Cập nhật dữ liệu vào hệ thống VNACCS/VCIS | TCHQ | 246 | 252 |  |  |  | 7 |
|  | Nguyễn Trung Hiếu: Hỗ trợ các đơn vị hải quan vận hành thử hệ thống | TCHQ, Các cục hải quan | 253 | 336 |  |  |  | 84 |
|  | Nguyễn Việt Anh: Phân tích thiết kế và xây dựng phân hệ rà soát, kiểm tra dữ liệu | FPT | 15 | 42 |  |  |  | 28 |
|  | Nguyễn Việt Anh: Chuyển đổi, tập trung dữ liệu các hệ thống cho Cục hải quan đầu tiên | FPT, TCHQ, Các cục hải quan | 43 | 56 |  |  |  | 14 |
|  | Nguyễn Việt Anh: Chuyển đổi, tập trung dữ liệu các hệ thống cho các Cục hải quan khu vực miền Bắc | FPT, TCHQ, Các cục hải quan | 57 | 112 |  |  |  | 56 |
|  | Nguyễn Việt Anh: Chuyển đổi, tập trung dữ liệu các hệ thống cho các Cục hải quan khu vực miền Trung | FPT, TCHQ, Các cục hải quan | 113 | 168 |  |  |  | 56 |
|  | Nguyễn Việt Anh: Chuyển đổi, tập trung dữ liệu các hệ thống cho các Cục hải quan khu vực miền Nam | FPT, TCHQ, Các cục hải quan | 169 | 224 |  |  |  | 56 |
|  | Nguyễn Việt Phương: Khảo sát yêu cầu về công cụ chuyển đổi và hệ thống CSDL cần chuyển đổi tại TCHQ | FPT, TCHQ | 1 | 7 |  |  |  | 7 |
|  | Nguyễn Việt Phương: Chuẩn bị kế hoạch công việc chi tiết để CDDL | FPT, TCHQ | 8 | 14 |  |  |  | 3.5 |
|  | Nhữ Mạnh Hùng: Kiểm thử và vận hành thử nghiệm công cụ chuyển đổi dữ liệu | FPT, TCHQ, Các cục hải quan | 15 | 42 |  |  |  | 28 |
|  | Nhữ Mạnh Hùng: Kiểm tra, rà soát, phê duyệt dữ liệu các hệ thống cho Cục hải quan đầu tiên | FPT, TCHQ, Các cục hải quan | 43 | 56 |  |  |  | 14 |
|  | Nhữ Mạnh Hùng: Kiểm tra, rà soát, phê duyệt dữ liệu các hệ thống cho các Cục hải quan khu vực miền Bắc | FPT, TCHQ, Các cục hải quan | 57 | 112 |  |  |  | 56 |
|  | Nhữ Mạnh Hùng: Kiểm tra, rà soát, phê duyệt dữ liệu các hệ thống cho các Cục hải quan khu vực miền Trung | FPT, TCHQ, Các cục hải quan | 113 | 168 |  |  |  | 56 |
|  | Nhữ Mạnh Hùng: Kiểm tra, rà soát, phê duyệt dữ liệu các hệ thống cho các Cục hải quan khu vực miền Nam | FPT, TCHQ, Các cục hải quan | 169 | 224 |  |  |  | 56 |
|  | Nhữ Mạnh Hùng: Chuẩn bị thông tin danh mục dùng chung (CSF) | TCHQ | 225 | 231 |  |  |  | 7 |
|  | Nhữ Mạnh Hùng: Chuẩn bị dữ liệu doanh nghiệp tham gia hoạt động XNK | TCHQ | 232 | 238 |  |  |  | 7 |
|  | Nhữ Mạnh Hùng: Chuẩn bị dữ liệu quản lý rủi ro | TCHQ | 239 | 245 |  |  |  | 7 |
|  | Nhữ Mạnh Hùng: Cập nhật dữ liệu vào hệ thống VNACCS/VCIS | TCHQ | 246 | 252 |  |  |  | 7 |
|  | Nhữ Mạnh Hùng: Hỗ trợ các đơn vị hải quan vận hành thử hệ thống | TCHQ, Các cục hải quan | 253 | 336 |  |  |  | 84 |
|  | Phạm Công Ước: Khảo sát yêu cầu về công cụ chuyển đổi và hệ thống CSDL cần chuyển đổi tại TCHQ | FPT, TCHQ | 1 | 7 |  |  |  | 7 |
|  | Phạm Công Ước: Chuẩn bị kế hoạch công việc chi tiết để CDDL | FPT, TCHQ | 8 | 14 |  |  |  | 7 |
|  | Phạm Đức Toản: Phân tích thiết kế và xây dựng phân hệ rà soát, kiểm tra dữ liệu | FPT | 15 | 42 |  |  |  | 28 |
|  | Phạm Đức Toản: Chuyển đổi, tập trung dữ liệu các hệ thống cho Cục hải quan đầu tiên | FPT, TCHQ, Các cục hải quan | 43 | 56 |  |  |  | 14 |
|  | Phạm Đức Toản: Chuyển đổi, tập trung dữ liệu các hệ thống cho các Cục hải quan khu vực miền Bắc | FPT, TCHQ, Các cục hải quan | 57 | 112 |  |  |  | 56 |
|  | Phạm Đức Toản: Chuyển đổi, tập trung dữ liệu các hệ thống cho các Cục hải quan khu vực miền Trung | FPT, TCHQ, Các cục hải quan | 113 | 168 |  |  |  | 56 |
|  | Phạm Đức Toản: Chuyển đổi, tập trung dữ liệu các hệ thống cho các Cục hải quan khu vực miền Nam | FPT, TCHQ, Các cục hải quan | 169 | 224 |  |  |  | 56 |
|  | Phạm Ngọc Hoài: Phân tích thiết kế và xây dựng phân hệ phê duyệt dữ liệu | FPT | 15 | 42 |  |  |  | 28 |
|  | Phạm Ngọc Hoài: Kiểm tra, rà soát, phê duyệt dữ liệu các hệ thống cho Cục hải quan đầu tiên | FPT, TCHQ, Các cục hải quan | 43 | 56 |  |  |  | 14 |
|  | Phạm Ngọc Hoài: Kiểm tra, rà soát, phê duyệt dữ liệu các hệ thống cho các Cục hải quan khu vực miền Bắc | FPT, TCHQ, Các cục hải quan | 57 | 112 |  |  |  | 56 |
|  | Phạm Ngọc Hoài: Kiểm tra, rà soát, phê duyệt dữ liệu các hệ thống cho các Cục hải quan khu vực miền Trung | FPT, TCHQ, Các cục hải quan | 113 | 168 |  |  |  | 56 |
|  | Phạm Ngọc Hoài: Kiểm tra, rà soát, phê duyệt dữ liệu các hệ thống cho các Cục hải quan khu vực miền Nam | FPT, TCHQ, Các cục hải quan | 169 | 224 |  |  |  | 56 |
|  | Phạm Ngọc Hoài: Chuẩn bị thông tin danh mục dùng chung (CSF) | TCHQ | 225 | 231 |  |  |  | 7 |
|  | Phạm Ngọc Hoài: Chuẩn bị dữ liệu doanh nghiệp tham gia hoạt động XNK | TCHQ | 232 | 238 |  |  |  | 7 |
|  | Phạm Ngọc Hoài: Chuẩn bị dữ liệu quản lý rủi ro | TCHQ | 239 | 245 |  |  |  | 7 |
|  | Phạm Ngọc Hoài: Cập nhật dữ liệu vào hệ thống VNACCS/VCIS | TCHQ | 246 | 252 |  |  |  | 7 |
|  | Phạm Ngọc Hoài: Hỗ trợ các đơn vị hải quan vận hành thử hệ thống | TCHQ, Các cục hải quan | 253 | 336 |  |  |  | 84 |
|  | Phạm Thúy Loan: Quản trị dự án giai đoạn khảo sát | FPT, TCHQ | 1 | 14 |  |  |  | 14 |
|  | Phạm Thúy Loan: Quản trị dự án giai đoạn xây dựng | FPT | 15 | 42 |  |  |  | 28 |
|  | Phạm Thúy Loan: Quản trị dự án giai đoạn triển khai | FPT, TCHQ, Các cục hải quan | 43 | 224 |  |  |  | 182 |
|  | Phạm Thúy Loan: Quản trị dự án giai đoạn chuẩn bị thông tin danh mục dùng chung | TCHQ | 225 | 252 |  |  |  | 28 |
|  | Phạm Thúy Loan: Quản trị dự án giai đoạn hỗ trợ triển khai | FPT, TCHQ, Các cục hải quan | 253 | 336 |  |  |  | 84 |
|  | Tạ Bảo Trung: Khảo sát yêu cầu về công cụ chuyển đổi và hệ thống CSDL cần chuyển đổi tại TCHQ | FPT, TCHQ | 1 | 7 |  |  |  | 7 |
|  | Tạ Bảo Trung: Chuẩn bị kế hoạch công việc chi tiết để CDDL | FPT, TCHQ | 8 | 14 |  |  |  | 3.5 |
|  | Tôn Tích Dương Triều: Khảo sát yêu cầu về công cụ chuyển đổi và hệ thống CSDL cần chuyển đổi tại TCHQ | FPT, TCHQ | 1 | 7 |  |  |  | 7 |
|  | Tôn Tích Dương Triều: Chuẩn bị kế hoạch công việc chi tiết để CDDL | FPT, TCHQ | 8 | 14 |  |  |  | 3.5 |
|  | Trần Gia Kim: Kiểm thử và vận hành thử nghiệm công cụ chuyển đổi dữ liệu | FPT, TCHQ, Các cục hải quan | 15 | 42 |  |  |  | 28 |
|  | Trần Gia Kim: Kiểm tra, rà soát, phê duyệt dữ liệu các hệ thống cho Cục hải quan đầu tiên | FPT, TCHQ, Các cục hải quan | 43 | 56 |  |  |  | 14 |
|  | Trần Gia Kim: Kiểm tra, rà soát, phê duyệt dữ liệu các hệ thống cho các Cục hải quan khu vực miền Bắc | FPT, TCHQ, Các cục hải quan | 57 | 112 |  |  |  | 56 |
|  | Trần Gia Kim: Kiểm tra, rà soát, phê duyệt dữ liệu các hệ thống cho các Cục hải quan khu vực miền Trung | FPT, TCHQ, Các cục hải quan | 113 | 168 |  |  |  | 56 |
|  | Trần Gia Kim: Kiểm tra, rà soát, phê duyệt dữ liệu các hệ thống cho các Cục hải quan khu vực miền Nam | FPT, TCHQ, Các cục hải quan | 169 | 224 |  |  |  | 56 |
|  | Trần Gia Kim: Chuẩn bị thông tin danh mục dùng chung (CSF) | TCHQ | 225 | 231 |  |  |  | 7 |
|  | Trần Gia Kim: Chuẩn bị dữ liệu doanh nghiệp tham gia hoạt động XNK | TCHQ | 232 | 238 |  |  |  | 7 |
|  | Trần Gia Kim: Chuẩn bị dữ liệu quản lý rủi ro | TCHQ | 239 | 245 |  |  |  | 7 |
|  | Trần Gia Kim: Cập nhật dữ liệu vào hệ thống VNACCS/VCIS | TCHQ | 246 | 252 |  |  |  | 7 |
|  | Trần Gia Kim: Hỗ trợ các đơn vị hải quan vận hành thử hệ thống | TCHQ, Các cục hải quan | 253 | 336 |  |  |  | 84 |
|  | Trần Phong Châu: Phân tích thiết kế và xây dựng phân hệ chuyển đổi dữ liệu | FPT | 15 | 42 |  |  |  | 28 |
|  | Trần Phong Châu: Chuyển đổi, tập trung dữ liệu các hệ thống cho Cục hải quan đầu tiên | FPT, TCHQ, Các cục hải quan | 43 | 56 |  |  |  | 4.2 |
|  | Trần Phong Châu: Chuyển đổi, tập trung dữ liệu các hệ thống cho các Cục hải quan khu vực miền Bắc | FPT, TCHQ, Các cục hải quan | 57 | 112 |  |  |  | 16.8 |
|  | Trần Phong Châu: Chuyển đổi, tập trung dữ liệu các hệ thống cho các Cục hải quan khu vực miền Trung | FPT, TCHQ, Các cục hải quan | 113 | 168 |  |  |  | 16.8 |
|  | Trần Phong Châu: Chuyển đổi, tập trung dữ liệu các hệ thống cho các Cục hải quan khu vực miền Nam | FPT, TCHQ, Các cục hải quan | 169 | 224 |  |  |  | 16.8 |
|  | Trần Phong Châu: Chuẩn bị thông tin danh mục dùng chung (CSF) | TCHQ | 225 | 231 |  |  |  | 7 |
|  | Trần Phong Châu: Chuẩn bị dữ liệu doanh nghiệp tham gia hoạt động XNK | TCHQ | 232 | 238 |  |  |  | 7 |
|  | Trần Phong Châu: Chuẩn bị dữ liệu quản lý rủi ro | TCHQ | 239 | 245 |  |  |  | 7 |
|  | Trần Phong Châu: Cập nhật dữ liệu vào hệ thống VNACCS/VCIS | TCHQ | 246 | 252 |  |  |  | 7 |
|  | Trần Phong Châu: Hỗ trợ các đơn vị hải quan vận hành thử hệ thống | FPT, TCHQ | 253 | 336 |  |  |  | 25 |
|  | Trần Phong Lãm: Quản trị dự án giai đoạn khảo sát | FPT, TCHQ | 1 | 14 |  |  |  | 7 |
|  | Trần Phong Lãm: Quản trị dự án giai đoạn xây dựng | FPT | 15 | 42 |  |  |  | 14 |
|  | Trần Phong Lãm: Quản trị dự án giai đoạn triển khai | FPT, TCHQ, Các cục hải quan | 43 | 224 |  |  |  | 81 |
|  | Trần Phong Lãm: Quản trị dự án giai đoạn chuẩn bị thông tin danh mục dùng chung | FPT, TCHQ | 225 | 252 |  |  |  | 28 |
|  | Trần Phong Lãm: Quản trị dự án giai đoạn hỗ trợ triển khai | FPT, TCHQ, Các cục hải quan | 253 | 336 |  |  |  | 84 |
|  | Trần Thành Chung: Phân tích thiết kế và xây dựng phân hệ chuyển đổi dữ liệu | FPT | 15 | 42 |  |  |  | 28 |
|  | Trần Thành Chung: Chuyển đổi, tập trung dữ liệu các hệ thống cho Cục hải quan đầu tiên | FPT, TCHQ, Các cục hải quan | 43 | 56 |  |  |  | 14 |
|  | Trần Thành Chung: Chuyển đổi, tập trung dữ liệu các hệ thống cho các Cục hải quan khu vực miền Bắc | FPT, TCHQ, Các cục hải quan | 57 | 112 |  |  |  | 56 |
|  | Trần Thành Chung: Chuyển đổi, tập trung dữ liệu các hệ thống cho các Cục hải quan khu vực miền Trung | FPT, TCHQ, Các cục hải quan | 113 | 168 |  |  |  | 56 |
|  | Trần Thành Chung: Chuyển đổi, tập trung dữ liệu các hệ thống cho các Cục hải quan khu vực miền Nam | FPT, TCHQ, Các cục hải quan | 169 | 224 |  |  |  | 56 |
|  | Trần Thị Thu Hằng: Giám sát đảm bảo chất lượng giai đoạn khảo sát | FPT, TCHQ | 1 | 14 |  |  |  | 2.1 |
|  | Trần Thị Thu Hằng: Giám sát đảm bảo chất lượng giai đoạn xây dựng | FPT | 15 | 42 |  |  |  | 4.2 |
|  | Trần Thị Thu Hằng: Giám sát đảm bảo chất lượng giai đoạn triển khai | FPT, TCHQ, Các cục hải quan | 43 | 224 |  |  |  | 27.3 |
|  | Trần Thị Thu Hằng: Giám sát đảm bảo chất lượng giai đoạn chuẩn bị thông tin danh mục dùng chung | TCHQ | 225 | 252 |  |  |  | 28 |
|  | Trần Thị Thu Hằng: Giám sát đảm bảo chất lượng giai đoạn hỗ trợ triển khai | FPT, TCHQ, Các cục hải quan | 253 | 336 |  |  |  | 42 |
|  | Trần Tuấn Hải: Khảo sát yêu cầu về công cụ chuyển đổi và hệ thống CSDL cần chuyển đổi tại TCHQ | FPT, TCHQ | 1 | 7 |  |  |  | 7 |
|  | Trần Tuấn Hải: Chuẩn bị kế hoạch công việc chi tiết để CDDL | FPT, TCHQ | 8 | 14 |  |  |  | 7 |
|  | Vũ Cảnh Hưng: Phân tích thiết kế và xây dựng phân hệ phê duyệt dữ liệu | FPT | 15 | 42 |  |  |  | 28 |
|  | Vũ Cảnh Hưng: Kiểm tra, rà soát, phê duyệt dữ liệu các hệ thống cho Cục hải quan đầu tiên | FPT, TCHQ, Các cục hải quan | 43 | 56 |  |  |  | 14 |
|  | Vũ Cảnh Hưng: Kiểm tra, rà soát, phê duyệt dữ liệu các hệ thống cho các Cục hải quan khu vực miền Bắc | FPT, TCHQ, Các cục hải quan | 57 | 112 |  |  |  | 56 |
|  | Vũ Cảnh Hưng: Kiểm tra, rà soát, phê duyệt dữ liệu các hệ thống cho các Cục hải quan khu vực miền Trung | FPT, TCHQ, Các cục hải quan | 113 | 168 |  |  |  | 56 |
|  | Vũ Cảnh Hưng: Kiểm tra, rà soát, phê duyệt dữ liệu các hệ thống cho các Cục hải quan khu vực miền Nam | FPT, TCHQ, Các cục hải quan | 169 | 224 |  |  |  | 56 |
|  | Vũ Cảnh Hưng: Chuẩn bị thông tin danh mục dùng chung (CSF) | TCHQ | 225 | 231 |  |  |  | 7 |
|  | Vũ Cảnh Hưng: Chuẩn bị dữ liệu doanh nghiệp tham gia hoạt động XNK | TCHQ | 232 | 238 |  |  |  | 7 |
|  | Vũ Cảnh Hưng: Chuẩn bị dữ liệu quản lý rủi ro | TCHQ | 239 | 245 |  |  |  | 7 |
|  | Vũ Cảnh Hưng: Cập nhật dữ liệu vào hệ thống VNACCS/VCIS | TCHQ | 246 | 252 |  |  |  | 7 |
|  | Vũ Cảnh Hưng: Hỗ trợ các đơn vị hải quan vận hành thử hệ thống | TCHQ, Các cục hải quan | 253 | 336 |  |  |  | 84 |
|  | Vũ Tiến Hào: Phân tích thiết kế và xây dựng phân hệ chuyển đổi dữ liệu | FPT | 15 | 42 |  |  |  | 28 |
|  | Vũ Tiến Hào: Chuyển đổi, tập trung dữ liệu các hệ thống cho Cục hải quan đầu tiên | FPT, TCHQ, Các cục hải quan | 43 | 56 |  |  |  | 14 |
|  | Vũ Tiến Hào: Chuyển đổi, tập trung dữ liệu các hệ thống cho các Cục hải quan khu vực miền Bắc | FPT, TCHQ, Các cục hải quan | 57 | 112 |  |  |  | 56 |
|  | Vũ Tiến Hào: Chuyển đổi, tập trung dữ liệu các hệ thống cho các Cục hải quan khu vực miền Trung | FPT, TCHQ, Các cục hải quan | 113 | 168 |  |  |  | 56 |
|  | Vũ Tiến Hào: Chuyển đổi, tập trung dữ liệu các hệ thống cho các Cục hải quan khu vực miền Nam | FPT, TCHQ, Các cục hải quan | 169 | 224 |  |  |  | 56 |

***Hà Nội, ngày 28 tháng 11 năm 2013***

**Đại diện hợp pháp của nhà thầu**

(Ghi rõ tên, chức danh, ký tên và đóng dấu)